

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Gạch men Thanh Thanh

Ngày 31/12/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.2%	16.9%	45.2%

DT thuần Q4/25
23.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.1 -40.5%
YoY: ▼20.2 -46.0%

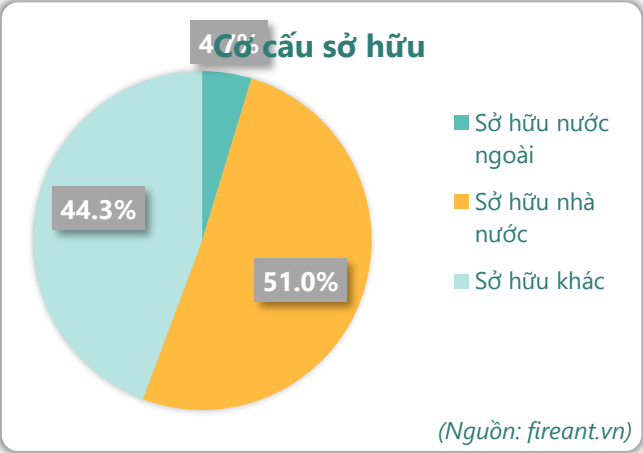
LN thuần Q4/25
-21.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.0 -309%
YoY: ▼22.2 -2266%

LN sau thuế Q4/25
9.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.8 242%
YoY: ▲ 8.59 1264%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
2.8%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE 2025
2.4%
YoY: +/-▼ 0.2%

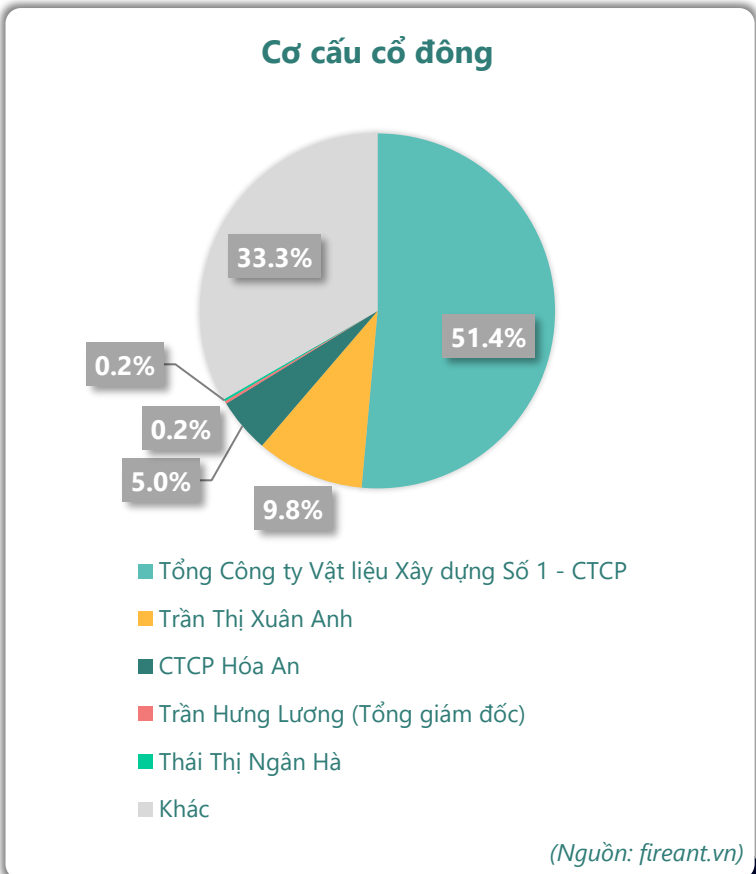
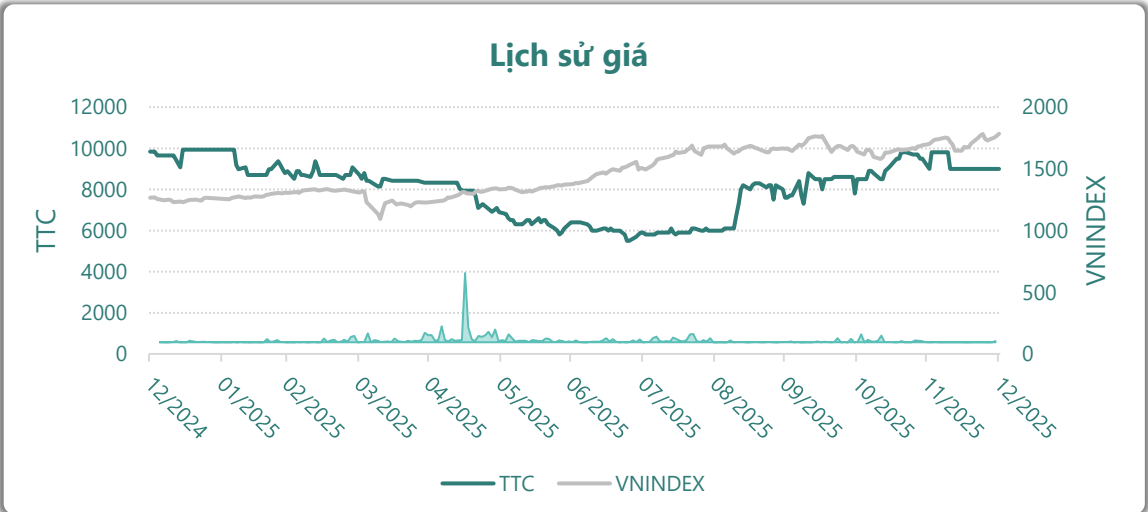
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,500 - 9,932
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
Số lượng CPLH (CP)	5,940,528
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,030
Sở hữu nước ngoài	4.7%
Beta	0.26
EPS	467
P/E	19.3



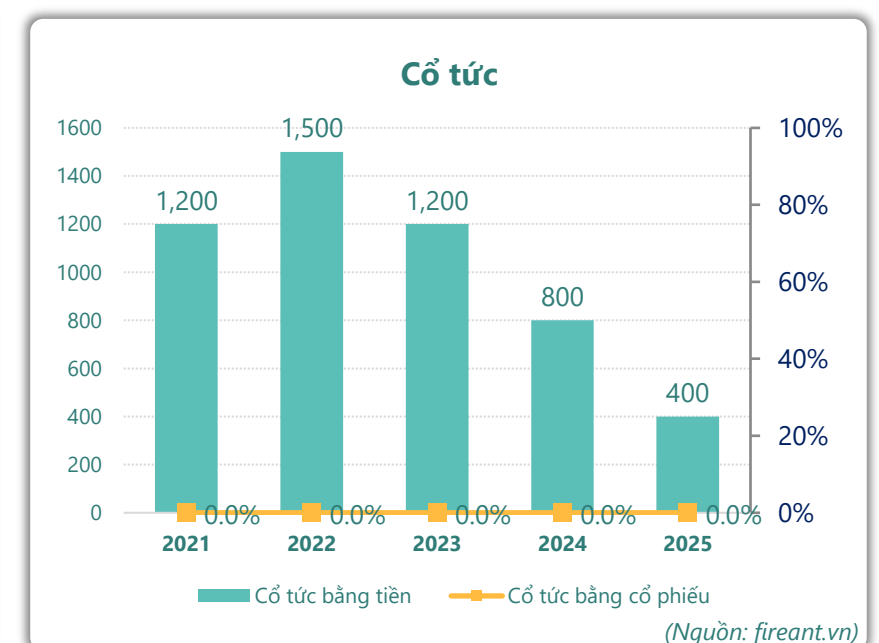
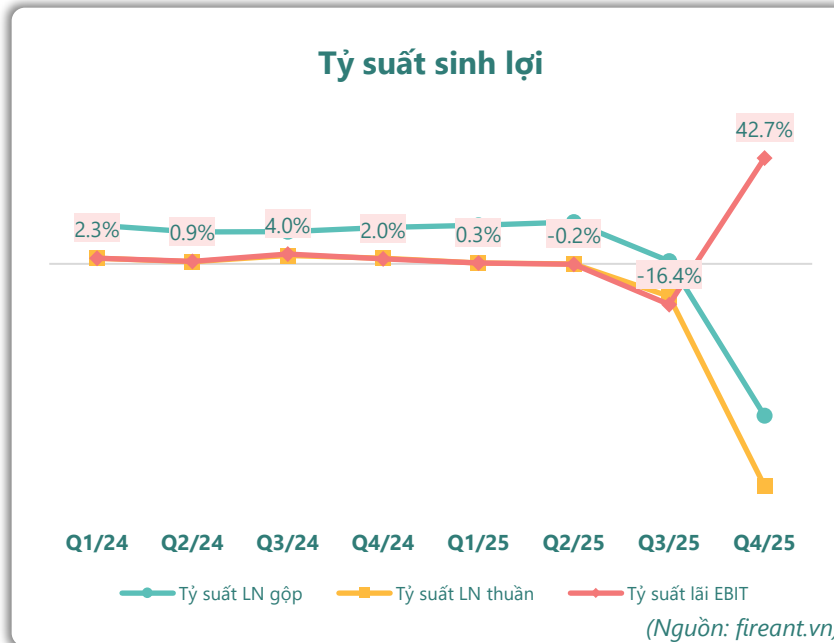
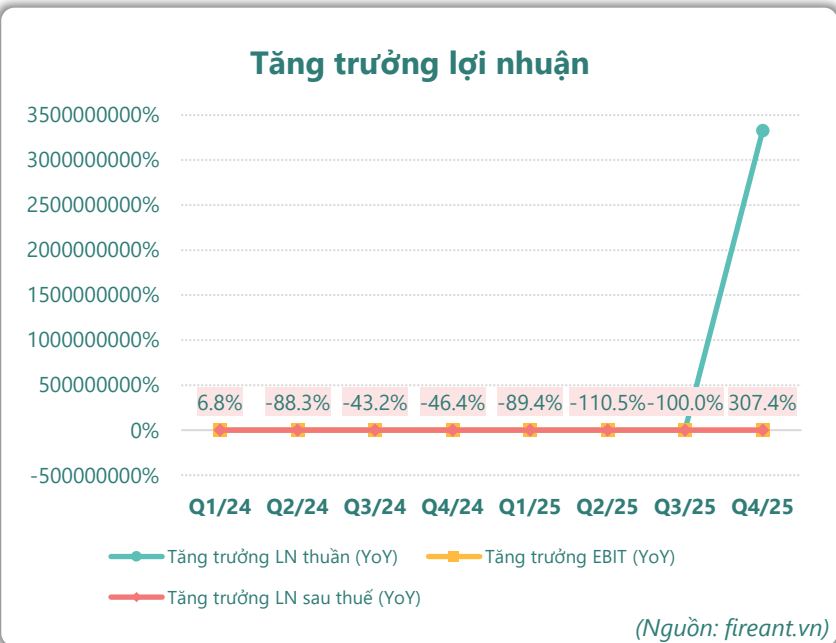
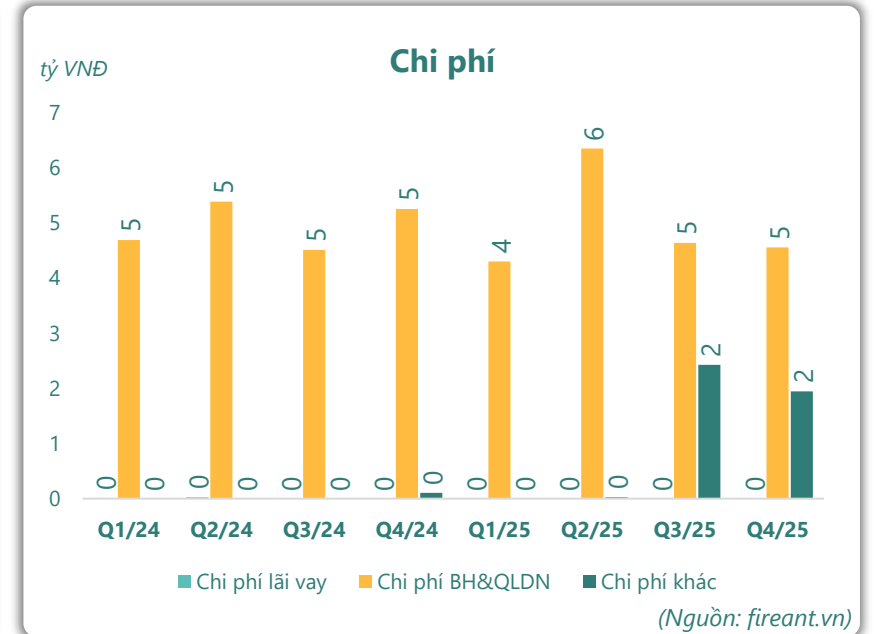
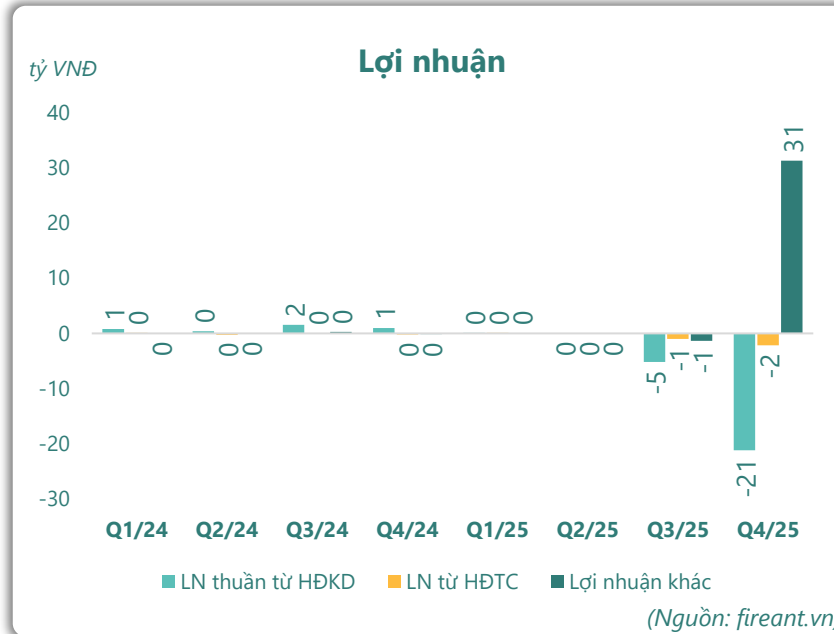
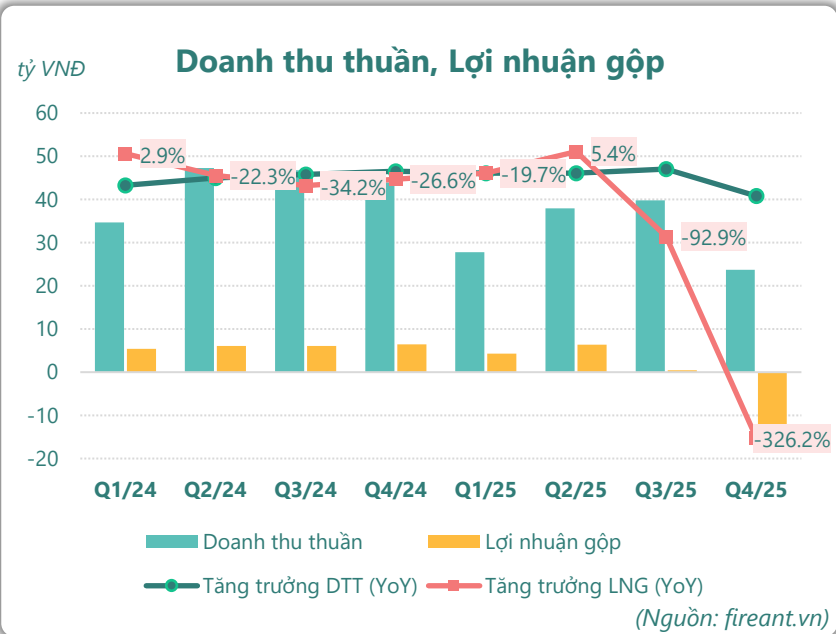
DT thuần 2025
129
tỷ VNĐ
YoY: ▼44.0 -25.1%

LN thuần 2025
-26.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.1 -810%

LN sau thuế 2025
2.77
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.28 -8.9%



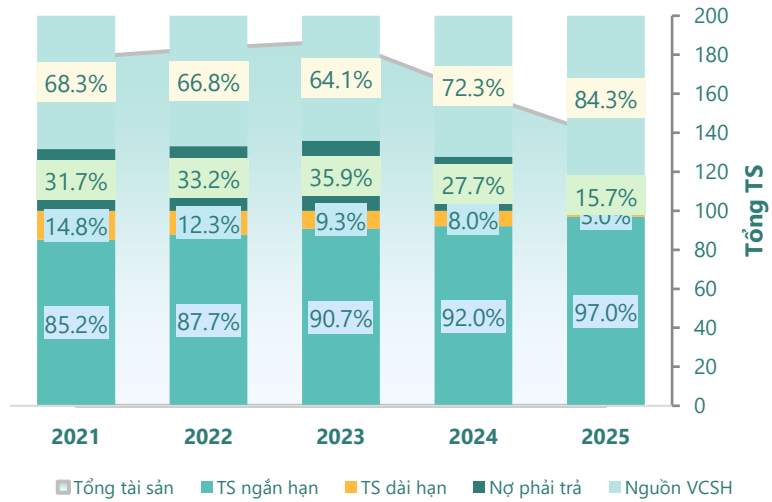
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

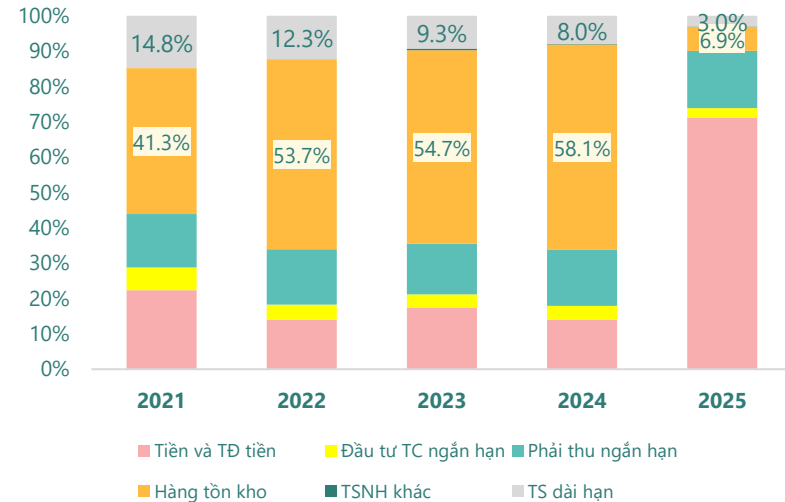
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

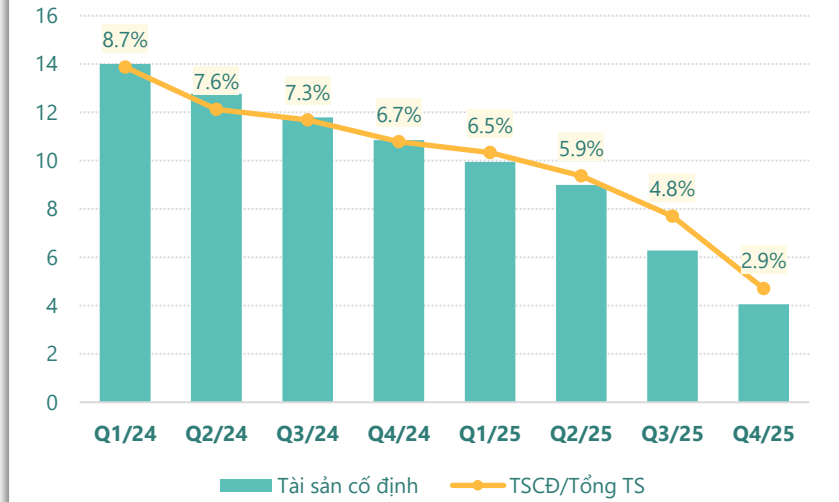
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

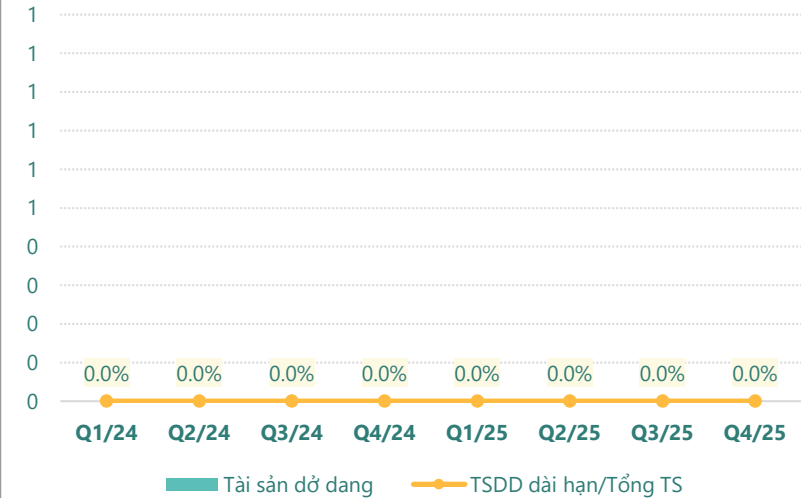
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

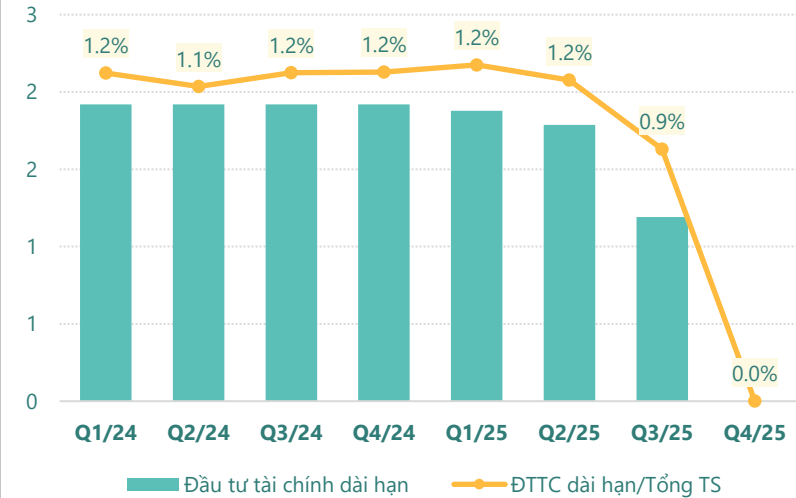
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

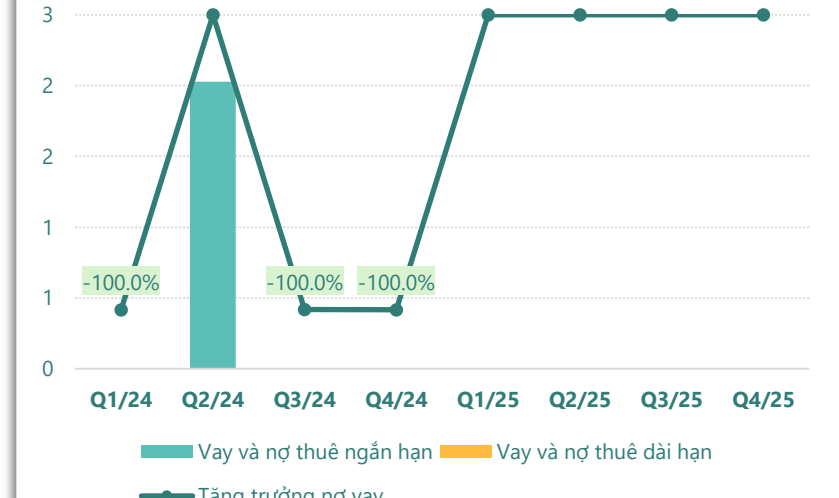
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

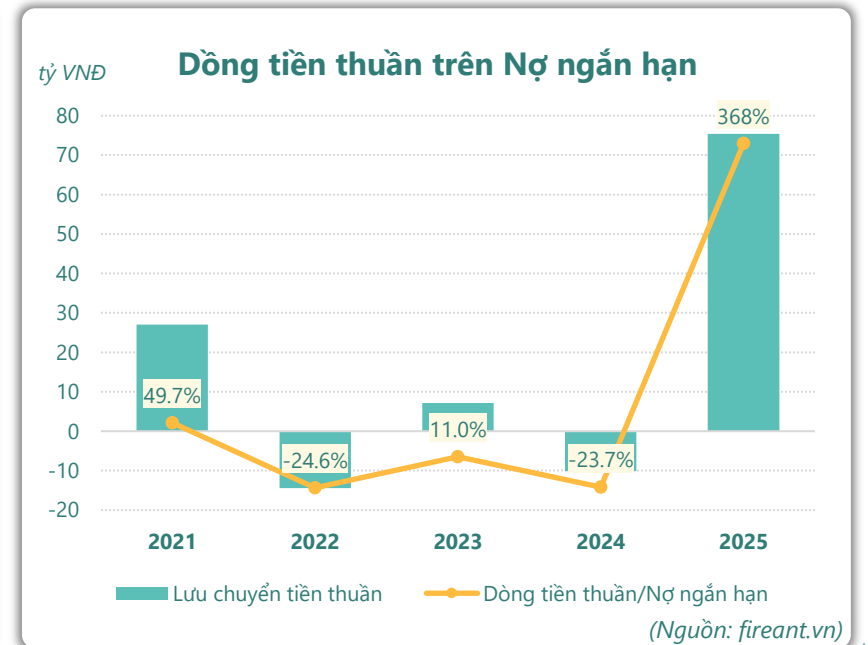
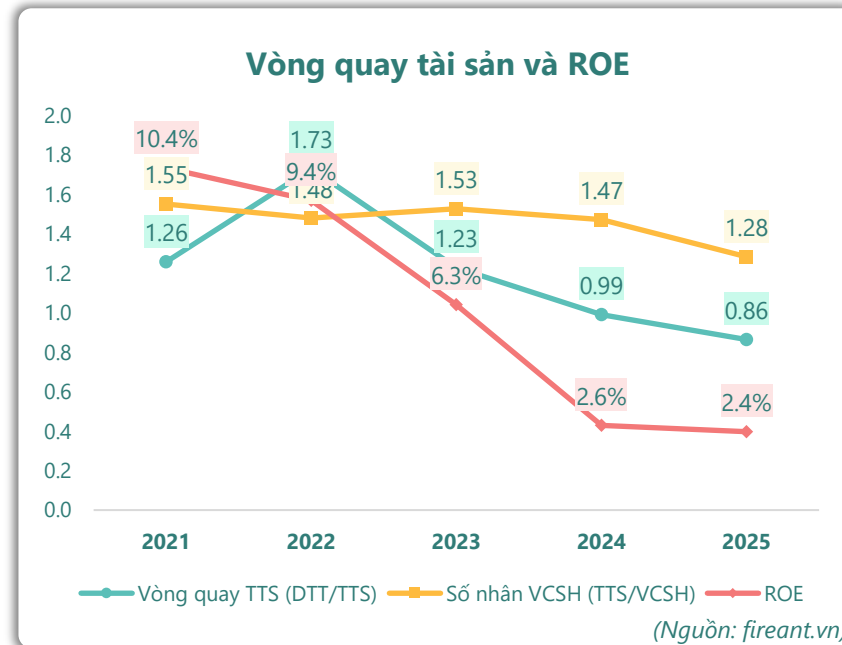
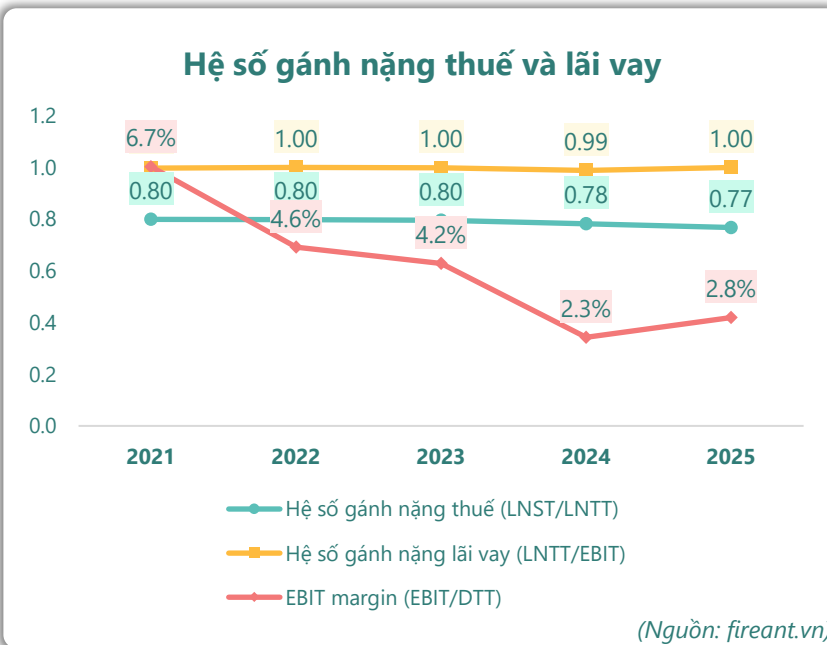
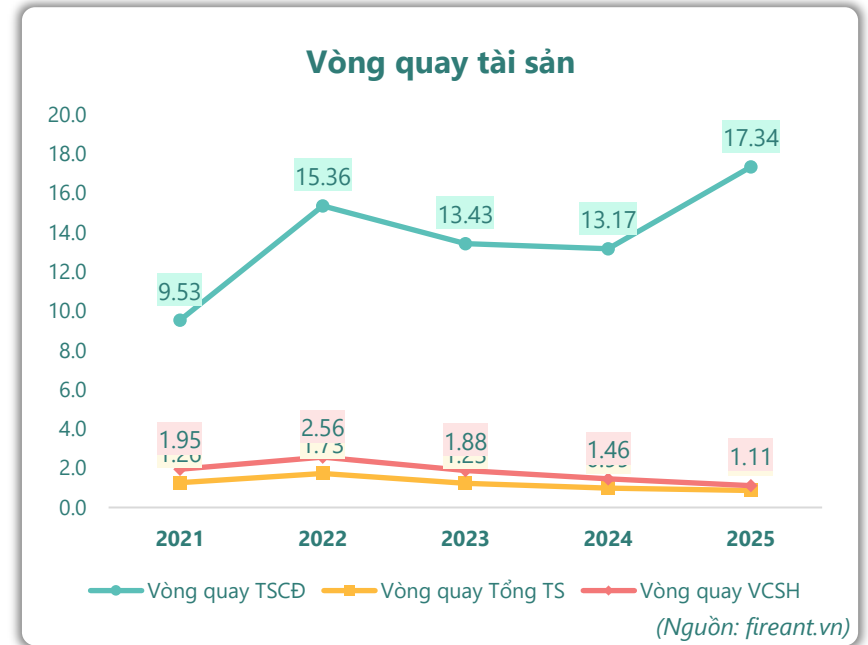
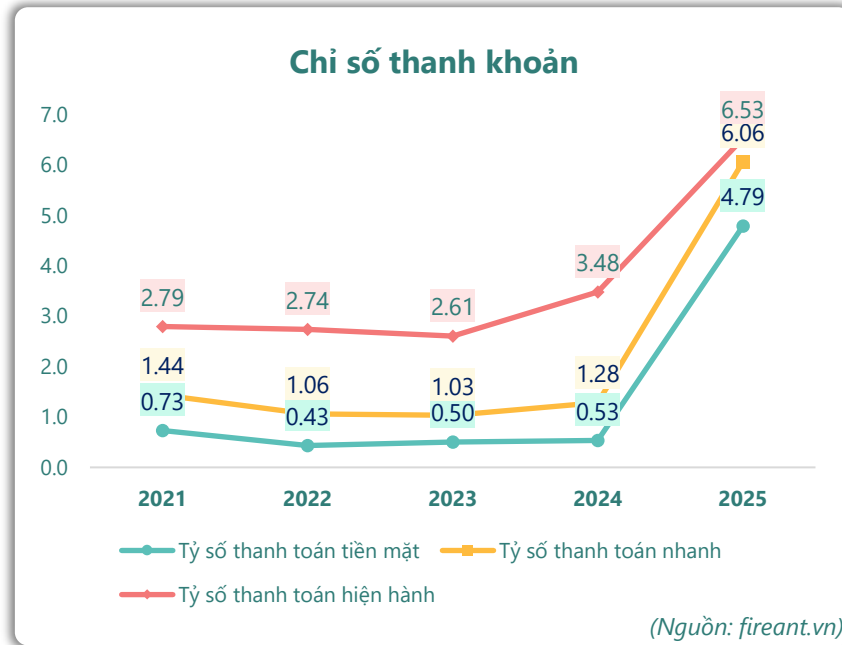
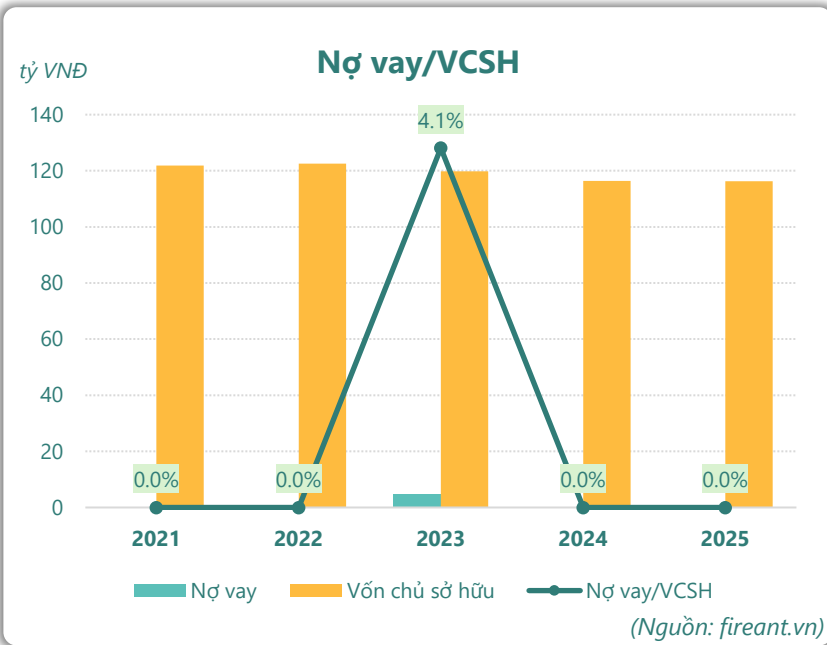
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	23.7	43.9	-46.0%	129	173	-25.1%
Giá vốn hàng bán	38.2	37.5	1.9%	133	149	-10.8%
Lợi nhuận gộp	-14.5	6.42	-326%	-3.37	23.9	-114%
Doanh thu HĐTC	0.76	0.18	321%	1.16	0.53	120%
Chi phí TC	2.91	0.36	708%	4.29	0.89	384%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0.05	-99.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.08	1.04	3.5%	3.81	4.17	-8.7%
Chi phí QLDN	3.48	4.22	-17.4%	16.1	15.7	2.4%
LN thuần từ HĐKD	-21.2	0.98	-2266%	-26.4	3.72	-810%
Lợi nhuận khác	31.3	-0.10	31434%	30.0	0.18	16678%
LN trước thuế	10.1	0.88	1048%	3.61	3.89	-7.2%
Lợi nhuận sau thuế	9.27	0.68	1264%	2.77	3.05	-8.9%
LNST của CĐ cty mẹ	9.27	0.68	1264%	2.77	3.05	-8.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.16	3.59	1.45	1.05	18.5	21.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.36	0.11	0.12	0.10	1.30	33.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.03	0.00	0	-2.38	0	0
Tiền đầu kỳ	17.4	18.9	22.6	24.2	23.0	42.8
Lưu chuyển tiền thuần	1.49	3.70	1.57	-1.22	19.8	55.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0.06	0.00	0.01	0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	18.9	22.6	24.2	23.0	42.8	98.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	138	161	-14.4%
Tài sản ngắn hạn	134	148	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	98.1	22.6	333%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.77	6.18	-38.9%
Phải thu ngắn hạn	22.3	25.6	-12.7%
Hàng tồn kho	9.50	93.6	-89.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.21	-94.8%
Tài sản dài hạn	4.14	12.8	-67.7%
Phải thu dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản cố định	4.05	10.8	-62.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.88	-100%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	21.6	44.6	-51.6%
Nợ ngắn hạn	20.5	42.6	-51.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.15	11.8	-90.2%
Nợ dài hạn	1.11	2.04	-45.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	116	116	-0.1%
Vốn chủ sở hữu	116	116	-0.1%
Vốn điều lệ	59.9	59.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

